

Đơn vị: VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Chương: 426

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VPĐK ngày / /2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai)

ĐVT: đồng

| Số TT      | Nội dung                                                       | Dự toán được giao   |
|------------|----------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1          | 2                                                              | 3                   |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>             |                     |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                      | <b>0</b>            |
| 1.1        | Lệ phí                                                         | 0                   |
|            | Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở                     | 0                   |
| 1.2        | Phí                                                            | 0                   |
|            | Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất      | 0                   |
|            | Phí giao dịch bảo đảm                                          | 0                   |
|            | Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ      | 0                   |
|            | Phí khai thác và sử dụng thông tin đất đai                     | 0                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                        | <b>0</b>            |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>                                   | <b>0</b>            |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin</b>                       | <b>0</b>            |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>                   | <b>0</b>            |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                                  | <b>0</b>            |
|            | Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở                     | 0                   |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                                     | <b>0</b>            |
|            | Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất      | 0                   |
|            | Phí giao dịch bảo đảm                                          | 0                   |
|            | Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ      | 0                   |
|            | Phí khai thác và sử dụng thông tin đất đai                     | 0                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                          | <b>-149.000.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                              | <b>-149.000.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                  |                     |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                               |                     |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                         |                     |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                     |                     |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                 |                     |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng                  |                     |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                           |                     |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>             |                     |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                  |                     |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                      |                     |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                   | <b>-149.000.000</b> |
| 6.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                 | -149.000.000        |
|            | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                         | -100.000.000        |
|            | Bảo trì, cập nhật, nhuận bút trang điện tử                     | -52.000.000         |
|            | Hỗ trợ phòng chống mối một kho lưu trữ, trang bị hồ sơ lưu trữ | -48.000.000         |

| <b>Số<br/>TT</b> | <b>Nội dung</b>                      | <b>Dự toán được giao</b> |
|------------------|--------------------------------------|--------------------------|
|                  | Lập bản tin tài nguyên và môi trường | -49.000.000              |
| 6.2              | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên |                          |
| <b>8</b>         | <b>Sự nghiệp văn hóa thông tin</b>   |                          |
| 1.1              | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên       |                          |
| <b>II</b>        | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>            |                          |
| <b>III</b>       | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>       |                          |
|                  |                                      |                          |